TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/5/2019.
Về việc: *"Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con, tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn L**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phan Thị H**
2. Bà: **Nguyễn Thị T**
T ký phiên tòa: Bà **Ka H** – T ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị H** -Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 262/2018/TLHNGĐ-ST ngày 28/12/2018về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung"*theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐHNGĐ-ST ngày 03/4/2019giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**:Bà Văn Thị Anh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 01, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Cóđơn đề nghị vắng mặt).

*** Bị đơn**:Ông Lê Hữu N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 01, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2018, quá trình giải quyết vụ ánnguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N có tìm hiểu yêu nhau được 05 năm thì quyết định đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/12/2005. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo đạo công giáo. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N ngoại tình, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015, ông N bỏ đi không liên lạc gì với bà. Ngày 06/8/2018 Tòa án đã tuyên bố ông N mất tích theoquyết định số

21/2018/QĐST-VDS, từ đó đến nay ông N không trở lại địa phương, bà không còn tình cảm gì với ông N nên yêu cầu được ly hôn với ôngN.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồng K , sinh ngày 18/3/2014. Từ ngày ông N bỏ đi bà trực tiếp nuôi con và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà T và ông Nđược ly hôn với nhau.Về con chung đề nghị giao cháu Lê Hồng Khang, sinh ngày 18/3/2014 cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con, buộc bà T chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông N vắng mặt, bà T có đơn đề nghị vắng mặt nên áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/12/2005, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N ngoại tình, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015, ông N bỏ đi không liên lạc gì với bà. Ngày 06/8/2018 Tòa án đã tuyên bố ông N mất tích theo quyết định số 21/2018/QĐST-VDS, từ đó đến nay ông N không trở lại địa phương. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà T, xử cho bà T và ông N được ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Từ khi ông N bỏ đi bà T trực tiếp nuôi con phát triển khỏe mạnh, bình Tòng và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 cần giao cháu con cho bà T nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Anh Tvề việc "*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*", xử cho bà Văn Thị Anh Tvà ông Lê Hữu N được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giaocháu Lê Hồng K , sinh ngày 18/3/2014 cho bà T nuôi dưỡngđến khi đủ 18 tuổi, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình."

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Văn Thị Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0013229ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Bà T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2)
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã Lộc A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn L

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị HàNguyễn Thị Tài **Nguyễn Văn L**